ỦY BAN NHÂN DÂN **PHƯỜNG GIA ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 4334/QĐ-UBND	*Gia Định, ngày 26 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biện Phủ, phường Gia Định

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN PHƯỜNG GIA ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18 tháng 6 năm 2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 23 tháng 6 năm 2023; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật quy hoạch, luật đầu tư, luật đầu tư theo phương thức đối tác công tư và luật đấu thầu ngày 29 tháng 11 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật hải quan, luật thuế giá trị gia tăng, luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, luật Đầu tư công, Luật quản lý; sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị Quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc Hội về quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 50/2021/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2015/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết về hợp đồng xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 67/2023/NĐ-CP ngày 06 tháng 9 năm 2023 của Chính phủ Quy định về bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới, bảo hiểm cháy, nổ bắt buộc, bảo hiểm bắt buộc trong hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; Nghị định số 275/2025/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 125/2025/NĐ-CP ngày 11 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 140/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 144/2025/NĐ-CP ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ quy định chính sách giảm thuế giá trị gia tăng theo Nghị quyết số 204/2025/QH15 ngày 17 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội;

Căn cứ Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

Căn cứ Nghị định số 98/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2025 của Chính phủ quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước để mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; chi thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng và các nhiệm vụ cần thiết khác;

Căn cứ Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng và Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 3 năm 2025 về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng và Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng và Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30

tháng 8 năm 2024 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình và Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22 tháng 01 năm 2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Bộ tài chính về Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng chi phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 17/2024/TT-BTC ngày 14 tháng 03 năm 2024 của Bộ Tài chính về hướng dẫn kiểm soát, thanh toán các khoản chi thường xuyên qua Kho bạc Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 5 năm 2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 10/2025/TT-BXD ngày 14 tháng 6 năm 2025 của Bộ Xây dựng về hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương và ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu thuộc tỉnh, Thành phố trực thuộc trung ương về lĩnh vực xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 63/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 11 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về hệ thống mẫu biểu sử dụng trong công tác quyết toán;

Căn cứ Thông tư số 64/2025/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Bộ Tài Chính về Quy định mức thu, miễn một số khoản phí, lệ phí nhằm hỗ trợ cho doanh nghiệp, người dân;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BKHĐT ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về công bố đơn giá xây dựng công trình khu vực thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1491/QĐ-SXD-KTXD ngày 31 tháng 12 năm 2024 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2024 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 959/QĐ-UBND ngày 14 tháng 3 năm 2025 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về việc sửa đổi, bổ sung đơn giá xây dựng công trình công bố tại Quyết định số 2966/QĐ-UBND ngày 21 tháng 7 năm 2023;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2025/NQ-HĐND ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh quy định thẩm quyền quyết định phê duyệt nhiệm vụ và dự toán kinh phí chi thường xuyên ngân sách nhà nước thực hiện mua sắm, sửa chữa, cải tạo, nâng cấp tài sản, trang thiết bị; thuê hàng hóa, dịch vụ; sửa chữa, cải tạo, nâng cấp, mở rộng, xây dựng mới hạng mục công trình trong các dự án đã đầu tư xây dựng của các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 991/QĐ-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Gia Định về việc phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân phường Gia Định, nhiệm kỳ 2021-2026;

Căn cứ Quyết định số 3195/QĐ-UBND ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân phường Gia Định về phân bổ chi tiết danh mục dự án tại Quyết định số 3418/QĐ-UBND ngày 25 tháng 12 năm 2025 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về giao Kế hoạch đầu tư công năm 2026 nguồn vốn ngân sách địa phương;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 13 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban nhân dân Phường Gia Định về chủ trương đầu tư dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 3773/QĐ-UBND ngày 05/06/2026 của Ủy ban nhân dân phường Gia Định về việc điều chỉnh một phần nội dung Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 13/02/2026 của Ủy ban nhân dân phường Gia Định;

Căn cứ Thông báo số 20255/TB-SXD-KTVLXD ngày 09/6/2026 của Sở Xây dựng Thành phố Hồ Chí Minh về việc công bố giá vật liệu xây dựng trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh tháng 5/2026;

Căn cứ Quyết định số 14/QĐ-QLDA ngày 08/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Phường Gia Định về việc phê duyệt dự toán chuẩn bị đầu tư dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 15/QĐ-QLDA ngày 08/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Phường Gia Định về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 16/QĐ-QLDA ngày 08/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Phường Gia Định về việc phê duyệt Nhiệm vụ và dự toán gói thầu lập nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 17/QĐ-QLDA ngày 08/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu hình thức chỉ định thầu rút gọn gói thầu Tư vấn lập nhiệm vụ khảo sát, lập báo

cáo kinh tế kỹ thuật dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-QLDA ngày 08/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng Phường Gia Định về việc phê duyệt nhiệm vụ, dự toán gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Quyết định số 66/QĐ-QLDA ngày 08/6/2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Định về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu, hình thức chỉ định thầu rút gọn gói thầu Tư vấn khảo sát địa hình dự án Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Xét kết quả thẩm tra của Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Minh Khôi theo số 10/BCTT ngày 25 tháng 6 năm 2026 tại bản vẽ thiết kế kỹ thuật thi công, bảng dự toán thiết kế ngày 24 tháng 06 năm 2026 của Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tư vấn An Thảo.

Theo đề nghị của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Định tại Tờ trình (Lần 2) số 12F/TTr-BQLDA ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Định về việc thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Căn cứ Công văn số 395/KTHTĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị về việc thông báo kết quả thẩm định Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định;

Theo đề nghị của Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị tại Tờ trình số 1624/TTr-KTHTĐT ngày 26 tháng 6 năm 2026 về việc phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật công trình Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo kinh tế - kỹ thuật xây dựng công trình Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Nâng cấp cải tạo cụm hẻm đường Điện Biên Phủ, phường Gia Định.

2. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Gia Định.

3. Chủ đầu tư: Ban quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Định.

4. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng:

4.1. Mục tiêu: Thực hiện chủ trương chỉ đạo của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng kỹ thuật để phục vụ công tác xây dựng quy hoạch chung của Thành phố; chỉnh trang bộ mặt đô thị, xây dựng Thành phố sạch, đẹp trong đó ưu tiên tập trung giải quyết nâng cấp và đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật và tạo điều kiện thuận lợi cho người dân trong việc đi lại, vận chuyển hàng hóa, đảm bảo an toàn giao thông; góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế xã hội khu vực dự án; chỉnh trang đô thị cải thiện môi trường sống và từng bước hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật trên địa bàn phường Gia Định.

4.2. Quy mô đầu tư xây dựng: Quy mô đầu tư thể hiện qua hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật do Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tư vấn An Thảo lập, đã được đơn vị Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Minh Khôi thẩm tra, tổng hợp tại Báo cáo kết quả thẩm tra hồ sơ, cụ thể như sau:

- Bề rộng nền, mặt đường, vỉa hè: Làm theo hiện trạng.

- Cải tạo mặt đường bằng bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa nóng tùy theo từng tuyến đường, hẻm.

- Cải tạo vỉa hè tùy theo từng tuyến đường, hẻm.

- Hệ thống thoát nước: Xây mới cống thoát nước dọc D400, D600 và hầm ga cống dọc, xây mới cống ngang D300 và hầm ga cống ngang đảm bảo lưu vực thoát nước dự án; Khối lượng công tác thực hiện:

+ Hầm ga 1,4m x 1,4m BTCT xây mới : 18 cái
+ Hầm ga 1,2m x 1,2m BTXM xây mới : 174 cái
+ Hầm ga 0,7m x 1,0m BTXM lưới chắn rác xây mới : 89 cái
+ Cống dọc D600 xây mới : 804,5m
+ Cống dọc D400 xây mới : 1452,0m
+ Cống D300 xây mới : 157 m

a. Bình đồ tuyến: Bám sát hiện trạng, tại các giao lộ có thiết kế bó vỉa sẽ được cải tạo theo hiện trạng đường để tránh xáo trộn trong việc lưu thông và các hộ dân trong tuyến, tim các tuyến đường, hẻm thiết kế được lấy theo tim đường hiện trạng (tim tuyến được cân chỉnh chủ yếu bám theo hiện trạng nhằm hạn chế tối đa ảnh hưởng đến dân sinh và để giữ lại nhiều nhất có thể các công trình kỹ thuật, tim tuyến thiết kế bám theo các tiêu chuẩn kỹ thuật của bình diện tuyến để nâng cao điều kiện khai thác của tuyến). Tổng chiều dài các tuyến: 2.555,35m (Vị trí các tuyến hẻm cụ thể như sau (Xem chi tiết bản vẽ))

b. Trắc dọc:

Cao độ thiết kế dựa vào:

- Cao độ hiện trạng của tuyến đường (đầu tuyến, các vị trí vuốt nối vào hẻm,...).

- Đảm bảo yêu cầu chiều dày kết cấu tăng cường trên nền đường hiện hữu.

- Tham khảo cao độ thiết kế công trình sửa chữa lớn các tuyến đường tương tự trong khu vực.

- Đảm bảo được khả năng thoát nước của tuyến tránh hiện tượng bị đọng nước trên tuyến.

- Hài hòa với cao độ nhà dân hiện hữu trên tuyến.

- Đảm bảo thoát nước tốt cho mặt đường, đồng thời phù hợp với cao độ thực tế các công trình và tuyến đường lân cận, thiết kế trắc dọc với độ dốc dọc tối thiểu là 1‰ đồng thời vuốt nối các điểm tụ thủy trùng với vị trí hầm ga hiện hữu để đảm bảo thoát nước tốt.

c. Thiết kế trắc ngang

- Xây mới mặt đường bê tông nhựa và bê tông xi măng theo hiện trạng rộng từ 1,0m ÷ 6,2m.

- Độ dốc ngang:

+ Hẻm bê tông xi măng: 2% hướng từ hai mép đường vào tim đường.

+ Hẻm bê tông nhựa: 2% hướng từ tim đường ra hai mép đường.

+ Vỉa hè : dốc 1% từ nhà dân ra mép đường.

+ Phá dỡ thềm xi măng, tam cấp lấn chiếm đến mặt đường hiện hữu sau đó thi công lớp kết cấu áo đường.

STT	Tên tuyến	Kết cấu mặt đường hiện hữu	Kết cấu mặt đường thiết kế	Chiều rộng mặt đường	Chiều dài	Cao độ nâng
1	Hẻm 24 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,5m-3,8m	31,39m	Trung bình 6cm
2	Hẻm 54 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	2,8m-3,2m	36,82m	Trung bình 10cm
3	Hẻm 62 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,6m-5,0m	228,43m	Trung bình 11cm
4	Hẻm 62/11 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,2m-2,7m	33,46m	Trung bình 17cm
5	Hẻm 128 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,0m-4,2m	140,60m	Trung bình 12cm
6	Hẻm 132 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,5m-3,8m	60,21m	Trung bình 15cm
7	Hẻm 140 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM và BTN	1,8m-4,8m	386,89m	Trung bình 12cm
8	Hẻm 140/1 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,1m-2,7m	18,55m	Trung bình 8cm
9	Hẻm 140/10 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,2m-3,0m	51,89m	Trung bình 13cm
10	Hẻm 140/26 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,2m-3,8m	104,95m	Trung bình 10cm
11	Hẻm 140/48 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,2m-3,5m	95,58m	Trung bình 10cm
12	Hẻm 140/65 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	2,1m-3,7m	41,07m	Trung bình 16cm
13	Hẻm 140/82 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,4m-3,9m	117,40m	Trung bình 15cm
14	Hẻm 140/82/2 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,2m-3,8m	38,00m	Trung bình 18cm
15	Hẻm 271 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,7m-2,1m	38,46m	Trung bình 8cm
16	Hẻm 263 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,4m-3,1m	57,25m	Trung bình 18cm
17	Hẻm 227 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,5m-4,8m	210,34m	Trung bình 12cm
18	Hẻm 227/10 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	2,1m-3,4m	63,42m	Trung bình 18cm
19	Hẻm 225 Điện Biên Phủ	BTXM	BTN	4,9m-5,7m	61,29m	Trung bình 20cm
20	Hẻm 195 Điện Biên Phủ	BTXM	BTN	2,7m-8,1m	213,42m	Trung bình 14cm
21	Hẻm 195/4 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	3,1m-4,1m	30,88m	Trung bình 16cm
22	Hẻm 195/11 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	2,5m-3,1m	51,91m	Trung bình 7cm

23	Hẻm 195/12 Điện Biên Phủ	BTXM	BTN	1,2m-3,4m	45,28m	Trung bình 12cm
24	Hẻm 193 Điện Biên Phủ	BTXM	BTN	3,1m-6,2m	150,05m	Trung bình 9cm
25	Hẻm 193/7 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	2,1m-3,0m	37,97m	Trung bình 10cm
26	Hẻm 193/9 Điện Biên Phủ	BTXM	BTN	3,8m-4,7m	35,94m	Trung bình 4cm
27	Hẻm 153 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	2,3m-3,9m	68,52m	Trung bình 18cm
28	Hẻm 430 Điện Biên Phủ	BTXM	BTXM	1,8m-6,9m	105,38m	Trung bình 8cm

d. Kết cấu áo đường

- Kết cấu áo đường xây mới:

+ Trải cán bê tông nhựa chặt 12,5 dày 7cm, K>=0,98.

+ Tưới thấm bám nhũ tương CSS-1H, tiêu chuẩn 1kg/m2.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, Dmax = 25mm, dày 12,5cm, K≥0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, Dmax = 25mm, dày 12,5cm, K≥0,98.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, Dmax = 37,5mm, dày 15cm, K≥0,98.

+ Nền đào (hoặc đắp cát) đầm chặt, K ≥ 0,98.

- Kết cấu áo đường bê tông xi măng:

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 B22,5 (M300) dày 18cm.

+ Trải giấy dầu ngăn cách nền đường.

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, Dmax = 25mm, dày 15cm, K>=0,98.

+ Nền đào (hoặc đắp cát) đầm chặt, K ≥ 0,95.

- Kết cấu vỉa hè bê tông xi măng:

+ Trải cán bê tông xi măng đá 1x2 B15(M200) dày 7cm;

+ Trải cán cấp phối đá dăm loại I, Dmax = 37,5mm, dày 10cm, K>=0,95;

+ Nền đào (đắp) đầm chặt, K>=0,90.

- Kết cấu áo đường vuốt nối:

+ Bê tông nhựa chặt BTNC 12.5 dày 7cm;

+ Tưới nhũ tương dính bám CSS-1h tiêu chuẩn 0,5kg/m2.

e. Kết cấu vỉa hè, bó vỉa

- Bó vỉa 0,35m có lòng máng rộng 0,15m, có cao độ đỉnh bó vỉa cao hơn cao độ mép đường tại vị trí đặt bó vỉa là 0,10m. Bó vỉa bằng bê tông xi măng đá 1x2 B22,5(M300) đổ tại chỗ, tùy theo vị trí bó vỉa vướng các công trình hạ tầng kỹ thuật (trụ điện, trụ cứu hỏa, cây xanh,..) khoảng cách khoảng 2m bố trí khe rộng 2mm.

- Tại vị trí hầm ga lắp lưới chắn rác sử dụng bó vỉa bê tông đá 1x2 B22,5 (M300) rộng 0,20m.

f. Nền đường:

- Đối với các hẻm chỉ bù nhựa thì đục phần bê tông lấn chiếm, cào bóc phần bê tông nhựa, sau đó vệ sinh mặt đường và bù vênh cho đúng cao độ thiết kế.

- Đối với các hẻm đào nền đường và bù đá thì cần đào hoặc cày xới bù phụ bằng cấp phối đá dăm đến cao độ thiết kế, lu lèn đạt k ≥ 0.95 cho 30cm lớp trên cùng.

- Thi công phần nền đường.

g. Phần làm hệ thống thoát nước

STT	TÊN CÔNG TRÌNH	CỐNG DỌC HIỆN HỮU	CỐNG DỌC THIẾT KẾ
1	Hẻm 24 Điện Biên Phủ	D400	Nâng tường thay khuôn nắp
2	Hẻm 54 Điện Biên Phủ	D300	D400
3	Hẻm 62 Điện Biên Phủ	D300-D400	D400
4	Hẻm 62/11 Điện Biên Phủ	Chưa có hệ thống thoát nước	D400
5	Hẻm 128 Điện Biên Phủ	D400	D400
6	Hẻm 132 Điện Biên Phủ	D300	D400
7	Hẻm 140 Điện Biên Phủ	D600	D600
8	Hẻm 140/1 Điện Biên Phủ	D400	D400
9	Hẻm 140/10 Điện Biên Phủ	D400	D400
10	Hẻm 140/26 Điện Biên Phủ	D400	D400
11	Hẻm 140/48 Điện Biên Phủ	D300	D400
12	Hẻm 140/65 Điện Biên Phủ	D300	D400
13	Hẻm 140/82 Điện Biên Phủ	D400	D400
14	Hẻm 140/82/2 Điện Biên Phủ	D400	D400
15	Hẻm 271 Điện Biên Phủ	Chưa có hệ thống thoát nước	D400
16	Hẻm 263 Điện Biên Phủ	D400	D400
17	Hẻm 227 Điện Biên Phủ	D300 và ống nhựa UPVC	D400 - D600
18	Hẻm 227/10 Điện Biên Phủ	D300	D400
19	Hẻm 225 Điện Biên Phủ	D400	D400
20	Hẻm 195 Điện Biên Phủ	D400	D600
21	Hẻm 195/4 Điện Biên Phủ	D400	D400
22	Hẻm 195/11 Điện Biên Phủ	Ống UPVC	D400-D600
23	Hẻm 195/12 Điện Biên Phủ	Ống UPVC	D400
24	Hẻm 193 Điện Biên Phủ	D400	D400
25	Hẻm 193/7 Điện Biên Phủ	Ống UPVC	D400
26	Hẻm 193/9 Điện Biên Phủ	Ống UPVC	D400
27	Hẻm 153 Điện Biên Phủ	D400	D400
28	Hẻm 430 Điện Biên Phủ	D400	D400

5. Nhà thầu khảo sát, lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tư vấn An Thảo.

6. Nhà thầu thẩm tra: Công ty TNHH Đầu tư Thiết kế Xây dựng Minh Khôi.

7. Địa điểm xây dựng: phường Gia Định, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Nhóm, loại, cấp dự án: Công trình giao thông, cấp IV, nhóm C.

9. Danh mục quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng chủ yếu:

1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
2	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
3	Công tác trắc địa trong xây dựng – Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
4	Đường ô tô – tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN

5	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2012
6	Khảo sát cho Xây dựng – Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
7	Quy chuẩn Quốc gia về quy hoạch xây dựng	QCVN 01:2021/BXD
8	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
9	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
10	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng.	QCVN 10:2014/BXD
11	Đường ô tô – Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054:2005
12	Áo đường mềm – các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
13	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39: 2022/TCĐBVN
14	Tiêu chuẩn ống BTCT thoát nước	TCVN 9113:2012
15	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép – tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 5574:2018
16	Thoát nước mạng lưới bên ngoài và công trình – Yêu cầu thiết kế	TCVN 7957:2023
17	Thiết kế mẫu bó vỉa, vỉa hè, bồn cây xanh của Sở Giao thông vận tải	Quyết định 1762/QĐ-SGTVT -18/6/2009
18	Tập bản vẽ kết cấu ngành giao thông công chánh và hướng dẫn thiết kế điển hình, thiết kế mẫu các loại cấu kiện thoát nước trên địa bàn thành phố	QĐ 1344/QĐ-SGTCC ngày 24/4/2003 và công văn 14437/SXD – HTKT ngày 19/9/2023
19	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
20	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng	QCVN 16:2023/BXD
21	Cốt liệu cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 7570:2006
22	Nước cho bê tông và vữa – Yêu cầu kỹ thuật	TCVN 4506:2012
23	Ximăng Poocläng	TCVN 2682:2020
24	Ximăng Poocläng hỗn hợp	TCVN 6260:2020
25	Nhũ tương nhựa đường gốc axit	TCVN 8817:2011
26	Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thí nghiệm vật liệu nhựa đường	TCVN 8818:2011
27	Bê tông nhựa – phương pháp thử	TCVN 8860:2011

28	Thép cốt bê tông – Thép thanh tròn trơn và thép thanh vằn	TCVN 1651:2018
29	Lớp phủ mạ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408:2007
30	Gạch terazo	TC7744:2013
31	Thép hình cán nóng – Phần 1; phần 2; phần 5; phần 11; phần 15; phần 16.	TCVN 7571-1:2019 TCVN 7571-2:2019 TCVN 7571-5:2006 TCVN 7571-11:2019 TCVN 7571-15:2019 TCVN 7571-16:2017
32	Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường – thi công và nghiệm thu	TCVN 8859:2023
33	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 13567:2022
34	Thi công và nghiệm thu mặt đường bê tông xi măng trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 40:2022/TCĐBVN
35	Công tác đất – Thi công và nghiệm thu	TCVN 4447:2012
36	Công tác nền móng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9361:2012
37	Công tác hoàn thiện trong xây dựng – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9377:2012
38	Nền đường ô tô – Thi công và nghiệm thu	TCVN 9436:2012
39	Phương pháp xác định chỉ số CBR của nền đất và các móng đường bằng vật liệu rời ngoài hiện trường	TCVN 8821:2011
40	Mặt đường ôtô – Xác định độ bằng phẳng bằng thước dài 3m.	TCVN 8864:2011
41	Xác định độ nhám của mặt đường bằng phương pháp rắc cát	TCVN 8866:2011
42	Xác định môđun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng.	TCVN 8861:2011
43	Xác định môđun đàn hồi bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2025
44	Tổ chức thi công	TCVN 4055:2012
45	Gạch ốp lát - Quy phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 8264:2009
46	Tiêu chuẩn sơn tín hiệu giao thông vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo	TCVN 8791-2011
47	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887-2018
48	Bê tông – yêu cầu bảo dưỡng ẩm tự nhiên	TCVN 8828:2011
49	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép lắp ghép – thi công và nghiệm thu	TCVN 9115:2019

50	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép toàn khối – Qui phạm thi công và nghiệm thu	TCVN 4453:1995
51	Lớp phủ kẽm nhúng nóng trên bề mặt sản phẩm gang và thép – Yêu cầu kỹ thuật và phương pháp thử	TCVN 5408:2007
52	Về Quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng	NĐ 06/2021/NĐ-CP
53	Quy trình quản lý và bảo trì đường bộ	52/2013/TT- BGTVT
54	Quy định về quản lý, vận hành khai thác và bảo trì công trình đường bộ	37/2018/TT-BGTVT
55	Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật	CVN 14182:2024
56	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn công tác bảo trì	TCVN 9343:2012
57	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Hướng dẫn kỹ thuật phòng chống nứt dưới tác động của khí hậu nóng ẩm.	TCVN 9345:2012
58	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy nhà và công trình	QCVN 06:2020/BXD
59	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình;	QCVN 06:2021/BXD
60	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn điện	QCVN 01:2020/BCT
61	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn lao động đối với máy hàn điện và công việc hàn điện	QCVN 03: 2011/BLĐTBXH
62	Quy phạm kỹ thuật an toàn trong XD	TCVN 5308 – 1991
63	An toàn điện trong xây dựng;	TCVN 4036 – 1985
64	Phòng cháy chữa cháy - phương tiện phòng cháy và chữa cháy cho nhà và công trình - trang bị, bố trí	TCVN 3890:2023
65	An toàn nổ – Yêu cầu chung.	TCVN 3255 – 1986

- Và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam hiện hành.

10. Tổng mức đầu tư: **19.855.026.969 đồng** *(Mười chín tỷ, tám trăm năm mươi lăm triệu không trăm hai mươi sáu ngàn chín trăm sáu mươi chín đồng)*, trong đó bao gồm:

- Chi phí xây dựng: 16.496.869.989 đồng
- Chi phí quản lý dự án: 458.942.923 đồng
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.805.433.040 đồng
- Chi phí khác: 284.343.467 đồng
- Chi phí dự phòng: 809.437.550 đồng

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026 - 2028.

12. Nguồn vốn đầu tư: Ngân sách Thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách phường.

13. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án phù hợp theo quy định tại Luật Xây dựng năm 2014, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của

Luật Xây dựng ngày 17/6/2020, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành luật xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng.

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Chủ đầu tư có trách nhiệm:

+ Thực hiện các quy định của Nhà nước về quản lý dự án đầu tư xây dựng; quản lý chi phí đầu tư xây dựng; quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; giám sát, đánh giá thực hiện dự án đầu tư và các quy định khác của pháp luật có liên quan đến quản lý dự án đầu tư.

+ Chủ đầu tư chịu trách nhiệm về sự đúng đắn, phù hợp các số liệu, kết quả tính toán khảo sát, thiết kế kết cấu dự án trong hồ sơ Báo cáo kinh tế - kỹ thuật đã trình thẩm định, phê duyệt.

+ Đảm bảo về bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ, an toàn dự án, an toàn các công trình lân cận trong quá trình triển khai thực hiện dự án.

+ Thực hiện thường xuyên công tác kiểm tra, giám sát và tuân thủ các quy định đối với công tác: bảo đảm an toàn lao động, an toàn giao thông, an toàn điện, phòng cháy chữa cháy tại khu vực thi công dự án và bảo đảm chất lượng dự án từ khi khởi công đến kết thúc dự án, thời gian bảo hành công trình.

- Nhà thầu và cá nhân tham gia khảo sát, thiết kế và lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật, tham gia thẩm tra chịu trách nhiệm về pháp lý, chất lượng hồ sơ trình thẩm định; thực hiện trách nhiệm giám sát tác giả theo quy định hiện hành. Việc thẩm định và phê duyệt thiết kế xây dựng của người quyết định đầu tư không thay thế và không làm giảm trách nhiệm của nhà thầu khảo sát, thiết kế, thẩm tra do mình thực hiện.

Điều 3. Chánh Văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân phường Gia Định, Trưởng Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường Gia Định, Giám đốc Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng phường Gia Định và các đơn vị liên quan có trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- CT.UBND/P;
- PCT.HĐND/P và các PCT.UBND/P;
- Kho bạc NN KVII – Phòng giao dịch số 6;
- VP.HĐND và UBND/P;
- Lưu: VT, KTHTĐT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Thu Hiền